

QUYẾT ĐỊNH
V/v phê duyệt E-HSMT
Gói 7: Chuẩn bị sản xuất Công trình: Đường dây 110kV từ trạm 220kV
Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2).

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY ĐIỆN LỰC CÀ MAU

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2025 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam v/v ban hành quy định phân cấp mua sắm VTTB và lập kế hoạch mua sắm VTTB trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 24 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy định mua sắm trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 3673/QĐ-EVNSPC ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2);

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-ALĐMN ngày 01 tháng 7 năm 2026 của Ban quản lý dự án Lưới điện miền Nam phê duyệt dự toán gói thầu “Gói 7: Chuẩn bị sản xuất” công trình Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2);

Căn cứ Công văn số 5733/ADLMN-KHVT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Ban quản lý dự án Lưới điện miền Nam V/v triển khai thực hiện gói thầu

“Gói 7: Chuẩn bị sản xuất” Công trình: Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2);

Căn cứ Quyết định số 1782/QĐ-PCCM ngày 10 tháng 7 năm 2026 của Công ty Điện lực Cà Mau v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho gói thầu nêu trên;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 295/ĐT ngày 17 tháng 7 năm 2026 của Phòng QLĐT v/v thẩm định hồ sơ mời thầu cho gói thầu nêu trên;

Căn cứ Tờ trình số 34/TCG ngày 15 tháng 7 năm 2026 của Tổ chuyên gia xét chọn nhà thầu về việc đề nghị phê duyệt E-HSMT Gói 7: Chuẩn bị sản xuất Công trình: Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2), kèm theo Hồ sơ mời thầu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt E-HSMT Gói 7: Chuẩn bị sản xuất, thuộc công trình Đường dây 110kV từ trạm 220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2), với nội dung theo phụ lục và E-HSMT đính kèm.

Điều 2. Tổ chuyên gia xét chọn nhà thầu tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các Trưởng phòng TCKT, KHVT, KT, KTTTPC và phòng QLĐT Công ty Điện lực Cà Mau chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, P.ĐT (Kiên.05).

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Hữu Quang

Phụ lục
NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU
Gói 7: Chuẩn bị sản xuất, thuộc công trình Đường dây 110kV từ trạm
220kV Cà Mau 2 - Trần Văn Thời (mạch 2).

1. Tên và phạm vi cung cấp của gói thầu:

- a. Tên gói thầu:
 - Gói 7: Chuẩn bị sản xuất.
 - Phạm vi cung cấp: Mua sắm dụng cụ thi công, thiết bị đo lường các loại, chi tiết như trong E-HSMT.
- b. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước, qua mạng.
- c. Loại hợp đồng: trọn gói; giá hợp đồng: cố định.
- d. Hiệu lực của hợp đồng: sau 07 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng.
- e. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực trong đó thời gian giao hàng là 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- f. Địa điểm giao hàng: Kho Công ty Điện lực Cà Mau (trụ sở chính), km 09, Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau.
- g. Thời gian bảo hành là: 24 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 30 tháng kể từ hàng hóa được nghiệm thu bàn giao tại kho Bên mua (thư bảo lãnh theo mẫu của bên mua).
- h. Bảo trì: Theo quy định của nhà sản xuất.

2. Hồ sơ mời thầu:

a. Biên chế hồ sơ mời thầu bao gồm:

- | | |
|------------|--------------------------------------|
| Chương I | - Chỉ dẫn đối với nhà thầu; |
| Chương II | - Bảng dữ liệu đấu thầu; |
| Chương III | - Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu; |
| Chương IV | - Biểu mẫu mời thầu và dự thầu; |
| Chương V | - Yêu cầu về kỹ thuật; |
| Chương VI | - Điều kiện chung của hợp đồng; |
| Chương VII | - Điều kiện cụ thể của hợp đồng; |
| | - Biểu mẫu hợp đồng. |

b. Thời gian tổ chức đấu thầu:

- Thời gian phát hành hồ sơ mời thầu: từ ngày 17/7/2026.
- Thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu: từ ngày 17/7/2026 đến ngày 27/7/2026.
- Đóng và mở thầu: vào lúc 14h00 phút ngày 27/7/2026.
- Xét thầu và trình kết quả LCNT: từ ngày 28/7/2026 đến ngày 21/8/2026.
- Hoàn thiện và ký kết hợp đồng: từ ngày 24/8/2026 đến ngày 31/8/2026.

c. Yêu cầu kỹ thuật: Căn cứ đặc tính kỹ thuật hiện hành.

d. Bảo đảm dự thầu:

Stt	Tên gói thầu	Giá trị BDDT (đồng)	Hiệu lực
1	Gói 7: Chuẩn bị sản xuất.	5.000.000	120 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu

e. Hiệu lực hồ sơ dự thầu: 90 ngày, kể từ thời điểm đóng thầu.

f. Điều kiện loại bỏ HSDT: đáp ứng các yêu cầu như nêu trong E-HSMT.

g. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Với số tiền là 03% giá hợp đồng được mở qua một tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

h. Bảo đảm bảo hành:

Với số tiền là 05% giá hợp đồng được mở qua một tổ chức tín dụng hoặc Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành.

i. Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực nhà thầu: Sử dụng tiêu chí “đạt” và “không đạt”:

Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, EC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ).

Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:

+ Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

Doanh thu và số lượng hợp đồng tương tự:

Stt	Tên gói thầu	Doanh thu bình quân trong 3 năm gần đây (đồng)	Giá trị hợp đồng tương tự (đồng)
1	Gói 7: Chuẩn bị sản xuất.	511.440.000	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là: * Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp hàng hóa thuộc lĩnh vực trang cụ an toàn, dụng cụ đo lường, dụng cụ thi công. * Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 184.118.400 VNĐ. Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất: * Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu: 162 sản phẩm/01 tháng; hoặc tối thiểu: 1.971 sản phẩm/01 năm; Hoặc: * Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 162 sản phẩm; hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu: 1.971 sản phẩm.

j. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật:

- Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt.

k. Tiêu chuẩn đánh giá tài chính:

- Đánh giá chi tiết về tài chính: áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

l. Đồng tiền dự thầu: Việt Nam Đồng (VND).

m. Điều kiện phạt:

- Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng.

Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/tuần (1 tuần quy đổi 7 ngày liên tục) giá trị phần hàng hóa giao chậm hoặc phần dịch vụ liên quan hoàn thành chậm cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 2%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.

Quy định chi tiết:

+/- Cứ mỗi tuần lễ chậm trễ do lỗi của Bên Bán so với thời gian giao hàng đã cam kết, thì Công ty Điện lực Cà Mau được quyền phạt: 1%/tuần trị giá hàng giao chậm.

+/- Số tiền phạt do giao hàng chậm tối đa là 2% trị giá đã ấn định của số hàng hoá bị chậm trễ. Một khi đạt mức tối đa, Bên mua có thể xem xét việc chấm dứt hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và có thể xem xét chấm dứt hợp đồng.

- Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.

+/- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;

+/- Trường hợp hàng hóa không đảm bảo tiến độ hoặc chất lượng cam kết gây thiệt hại cho chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ xem xét và yêu cầu nhà thầu bồi thường thiệt hại gây ra do lỗi của nhà thầu.

+/- Trường hợp hàng hóa không đảm bảo chất lượng đã cam kết, Bên A có quyền từ chối nhận hàng hóa.

n. Điều kiện thanh toán:

Hình thức thanh toán là chuyển khoản.

*/ 100% giá trị hàng hóa nhận được theo từng đơn hàng quy định trong hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 60 ngày kể từ khi Bên mua nhận được đầy đủ các hồ sơ, tài liệu sau (1 bản chính và 1 bản sao y bản chính) của Bên Bán và đóng dấu giáp lai. Riêng các chứng từ liên quan đến bảo lãnh hợp đồng và bảo hành sản phẩm phải do Ngân hàng phát hành sao y hoặc sao y bản chính:

- Hoá đơn hợp pháp theo quy định của Bộ Tài Chính do Bên bán lập khi giao hàng.

- Biên bản nghiệm thu về số lượng và chất lượng hàng hóa giữa Bên mua và Bên bán tại địa điểm giao hàng.

- Bản chính hoặc bản sao y bản chính giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa do phòng Thương Mại nước sản xuất ban hành của hàng ngoại nhập nêu trong bảng giá của hợp đồng trong đó có ghi rõ danh mục thiết bị, tên nhà sản xuất.

- Biên bản thử nghiệm xuất xưởng do nhà sản xuất ban hành có trong đó có ghi rõ tên hàng hóa, mã hiệu hàng hóa [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có mã hiệu] và số serial [Chỉ áp dụng trong trường hợp hàng hóa có số serial] của thiết bị.

- Kết quả kiểm tra chất lượng do một đơn vị thử nghiệm độc lập ban hành theo các chỉ tiêu thử nghiệm được mô tả trong phần đặc tính kỹ thuật (nếu có) cho lô hàng/mẫu thử.

- Chứng nhận số lượng và chất lượng của nhà sản xuất.

- Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo đảm bảo hành.

- Văn bản yêu cầu thanh toán do bên bán lập.

- Đồng tiền thanh toán: VND.

o. Giải quyết tranh chấp:

- Thời gian tiến hành hoà giải: trong vòng 20 ngày.
- Giải quyết tranh chấp: Nếu qua hoà giải, hai bên không giải quyết được thì trong vòng 20 ngày thống nhất đưa lên Toà án có thẩm quyền tỉnh Cà Mau để giải quyết theo Luật định. Quyết định của Toà án có giá trị bắt buộc cho cả hai bên.